

KẾ HOẠCH

triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, sâu rộng Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hàng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các địa phương, cơ quan, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ, thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Phong trào “Bình dân học vụ số” phải được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên

phải tiên phong, gương mẫu thực hiện Phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

- Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, đơn vị công nghệ nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, phong phú. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nhanh, rộng khắp, có tính hệ thống, gắn kết, hoàn thành sớm các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Kết quả của Phong trào phải được đo lường bằng sự thay đổi căn bản về năng lực sử dụng nền tảng, dịch vụ số của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và hướng tới mục tiêu Thanh Hóa nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

- Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Tuyên truyền, phổ biến, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong tiến trình chuyển đổi số.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản về thể chế nhằm hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” và “người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số”.

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực và huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực công; phổ cập kỹ năng số cho học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả các dịch vụ, nền tảng số, công nghệ số, nhất là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống; xây dựng đơn vị số, cộng đồng số, gia đình và cộng dân số.

5. Gắn kết Phong trào với triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm

2025, định hướng đến năm 2030”¹ và các phong trào khác đang triển khai thực hiện, nhất là phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”².

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2025

a) 90% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

c) 85% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.

d) 60% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

2. Năm 2026

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, có kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

c) 100% người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

d) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Thực hiện truyền thông sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan

¹ Ban hành theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

² Ban hành theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Đảng, Nhà nước, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”.

1.2. Phát huy vai trò của hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên, huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào; phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào; tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong quá trình chuyển đổi số.

1.3. Hưởng ứng và triển khai sâu rộng "Ngày hội toàn dân học tập số" vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia); kết hợp các hoạt động trực tiếp và trực tuyến trên địa bàn tỉnh như: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, hội nghị; hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

1.4. Tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh, tạo khí thế thi đua sôi nổi, đưa Phong trào “Bình dân học vụ số” trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục và phát triển sâu rộng, tạo đột phá trong nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, triển khai các quy định, hướng dẫn

2.1. Triển khai hướng dẫn về Khung kỹ năng số và việc đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước; học sinh, sinh viên; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân (*hoàn thành trong tháng 5/2025*).

2.2. Hướng dẫn và triển khai công tác thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, cống hiến, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” (*hoàn thành trong tháng 5/2025*).

2.3. Hướng dẫn và triển khai cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số” (*tiến độ thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Trung ương*).

2.4. Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh (*hoàn thành trong tháng 9/2025*).

3. Xây dựng, triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số

3.1. Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng, tập trung vào nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống (*tiến độ thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương*).

3.2. Biên soạn, phát hành Đề cương hướng dẫn nội dung phổ cập kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng (*hoàn thành trong tháng 4/2025*); cuốn Cẩm nang phổ cập kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng (*hoàn thành trong tháng 5/2025*).

3.3. Cập nhật, biên soạn các tài liệu, bài giảng cho từng chương trình phổ cập kỹ năng số đa dạng về thể loại (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu), theo hướng dẫn của Trung ương để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia (*tiến độ thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương*).

4. Hoàn thiện hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ người dân tiếp cận, sử dụng Internet và các ứng dụng số

4.1. Rà soát, đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, bảo đảm 100% người dân trên địa bàn tỉnh có thể tiếp cận, sử dụng Internet tốc độ cao và các ứng dụng số.

4.2. Triển khai hạ tầng truy cập Internet không dây Wifi tại 100% nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố, khu nhà ở tập thể cho công nhân tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, các điểm công cộng (nhà ga, bến xe, quảng trường...).

5. Triển khai các nền tảng

5.1. Phối hợp hướng dẫn triển khai, phát huy hiệu quả các nền tảng do các cơ quan Trung ương xây dựng, vận hành, gồm:

a) Nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng.

b) Nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, định danh, xác thực người học, phục vụ đào tạo, đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động.

c) Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng.

5.2. Xây dựng, vận hành và duy trì các dịch vụ, nền tảng số trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số; qua đó, người dân thấy được lợi ích và tích cực tham gia quá trình chuyển đổi số.

6. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

6.1. Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước (*thực hiện thường xuyên*).

a) Triển khai tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” trong các tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đảng viên trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với quá trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

c) Lồng ghép, đưa các chuyên đề về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

6.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên (*thực hiện thường xuyên*).

a) Triển khai giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

b) Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó liên kết các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số.

d) Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

6.3. Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*bắt đầu triển khai từ tháng 4/2025*).

a) Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

6.4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân (*thực hiện thường xuyên*).

a) Định kỳ hằng tuần, tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn xã, phường; tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của Tỉnh và của địa phương; khuyến khích người dân tham gia các khóa học về kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

b) Các thôn, bản, tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cử nhân sự có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

c) Tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

d) Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật; bổ sung, nâng cấp các cổng/trang thông tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật với giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật để tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật,... theo tiêu chuẩn quy định.

e) Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, bảo đảm người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào miền núi, biên giới, khu vực khó khăn có khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số, thu hẹp khoảng cách số với khu vực thành thị.

7. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

7.1. Phối hợp xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn - Người học. Mỗi “Người hướng dẫn” hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 “Người học”. Mỗi xã, phường bố trí ít nhất 01 nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

7.2. Triển khai phong trào “Gia đình số”: Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

7.3. Triển khai Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Tập huấn, hướng dẫn cho các tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng sử dụng công nghệ, nền tảng số trong việc kinh doanh.

7.4. Triển khai Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

7.5. Triển khai Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và những nơi có điều kiện khó khăn, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

7.6. Thực hiện Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại các địa phương thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số; tăng cường các hoạt động Thanh niên tình nguyện, tổ chức hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm ứng dụng, dịch vụ số.

7.7. Xây dựng và triển khai Chương trình “Chấp cánh công nghệ”: Kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm quyên góp, ủng hộ kinh phí, điện thoại, thiết bị truy cập thông minh để tặng cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và những nơi có điều kiện khó khăn.

7.8. Xây dựng và triển khai Mô hình “Tổ công nhân công nghệ” tại các nhà máy, cơ sở sản xuất, làm nòng cốt để tuyên truyền, phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số và hướng dẫn cho công nhân, người lao động cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm ứng dụng, dịch vụ số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Phong trào được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp huy động pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị được phân công triển khai thực hiện nhiệm vụ trong Kế hoạch này; định kỳ hằng quý và đột xuất, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan thông tấn, báo chí, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Kế hoạch này; tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số, các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại điểm a khoản 6.1 mục 6 phần IV.*

2. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo:

2.1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trong triển khai các đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do các ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị chủ trì thực hiện; triển khai kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” trong toàn ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị.

2.2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện Phong trào.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các nội dung hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 1.3, 1.4 mục 1; khoản 2.1, 2.4 mục 2; khoản 3.2 mục 3; mục 4; điểm c khoản 5.1, khoản 5.2 mục 5; khoản 7.5 mục 7 phần IV.*

2.3. Văn phòng UBND tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 7.1 mục 7 phần IV.*

2.4. Công an tỉnh

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại điểm a, b khoản 5.1 mục 5; khoản 7.4 mục 7 phần IV.*

2.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương, đơn vị tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa và tầm quan trọng của Phong trào “Bình dân học vụ số” trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các nền tảng mạng xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 1.1, 1.2 mục 1 phần IV.*

2.6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Hướng dẫn các trường học, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tích cực huy động đóng góp về cơ sở vật chất, thiết bị số, nhân lực số hỗ trợ triển khai Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 3.1, 3.3 mục 3; khoản 6.2 mục 6 phần IV.*

2.7. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” cho nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực công.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 2.2 mục 2; điểm c, khoản 6.1 mục 6 phần IV.*

2.8. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu thẩm định dự toán, bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” theo Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 2.3 mục 2 phần IV.*

2.9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đơn vị liên quan xây dựng phương án hỗ trợ kinh phí, điện thoại, thiết bị truy cập thông minh, dịch vụ viễn thông, Internet cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, người nghèo, các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại điểm e khoản 6.4 mục 6 phần IV.*

2.10. Sở Y tế

- Tham mưu thực hiện hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi, bệnh nhân tiếp cận công nghệ số, sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại điểm c, d khoản 6.4 mục 6 phần IV.*

2.11. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 7.3 mục 7 phần IV.*

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số”. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về huy động nguồn lực, nâng cao nhận thức, động viên đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia Phong trào; giám sát, phản biện quá trình thực hiện Phong trào. Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” vào triển khai các chương trình, đề án, các phong trào thi đua, cuộc vận động do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh chủ trì, phát động, nhất là phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan *tại điểm b khoản 6.4, mục 6; khoản 7.2, 7.7 mục 7 phần IV.*

- Tỉnh đoàn Thanh Hóa: Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp bộ Đoàn bố trí lực lượng đoàn viên, thanh niên tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng, đội ngũ tình nguyện viên các cấp phối hợp với các địa phương, đơn vị triển khai Phong trào; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 7.6 mục 7 phần IV.*

- Liên đoàn Lao động tỉnh: Chỉ đạo các cấp Công đoàn phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp *tại khoản 6.3 mục 6; khoản 7.8 mục 7 phần IV.*

4. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Phong trào tại địa phương, đơn vị theo các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tế. Khuyến khích địa phương, đơn vị triển khai các mô hình, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số địa phương, đơn vị đang thực hiện.

5. Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường giáo dục kỹ năng số cho học viên, học sinh, sinh viên; phối hợp với Tỉnh đoàn tham gia các hoạt động tình nguyện phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”; liên kết với các doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” sâu rộng trong cộng đồng doanh nghiệp; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn phổ cập kỹ năng số cho 100% người lao động trong các doanh nghiệp.

- Vận động các doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà hảo tâm tham gia hỗ trợ điện thoại thông minh, dịch vụ viễn thông và Internet cho người dân có hoàn cảnh khó khăn ở vùng nông thôn, miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Các doanh nghiệp Viễn thông, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân. Tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho các nhóm đối tượng phù hợp với thể mạnh của đơn vị. Bố trí nhân sự tham gia đội ngũ giảng viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

8. Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng các tin, bài viết tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”.

Căn cứ Kế hoạch này, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, các ban, sở, ngành, địa phương, đơn vị chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ được phân công; định kỳ báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)./.

Nơi nhận:

- BCĐ Trung ương về phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các cơ quan báo chí trong tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lại Thế Nguyên



PHỤ LỤC
Phân công theo dõi, triển khai thực hiện các chỉ tiêu Phong trào “Bình dân học vụ số”
(Kèm theo Kế hoạch số 265 /KH-TU ngày 24 /4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU GIAO		ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
		Năm 2025	Năm 2026		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ - Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.	-	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.	85%	100%	Các địa phương	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ngành, đơn vị liên quan.
5	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.	60%	80%	Công an tỉnh	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan
6	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.	80%	100%	Liên đoàn lao động tỉnh	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan